

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY ĐỢT TUYỂN SINH BỔ SUNG, NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 1119/QĐ-ĐHTTr ngày 03/9/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	KV U'T	ĐT U'T	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Mã PTXT	Mã THM	Tổng điểm chưa có U'T (Thang 30)	Điểm U'T	Điểm U'T quy đổi	Điểm trúng tuyển
I. Ngành Giáo dục Mầm non																	
1	Nguyễn Thị Mai Anh	30/09/2008	Nữ	1	0	VA	8,77	SU	9,3	KTPL	9,13	200	X70	27,2	0,75	0,28	27,48
2	Nguyễn Thị Thu Huyền	15/03/2008	Nữ	2	0	VA	8,3	SU	9,3	DI	9,17	200	C00	26,77	0,25	0,11	26,88
3	Lưu Thị Khánh Linh	09/04/2007	Nữ	2NT	0	VA	8,5	SU	9,5	DI	9	500	C00	27	0,5	0,2	27,2
II. Ngành Giáo dục Tiểu học																	
1	Trần Thị Bé	29/11/2008	Nữ	1	01	TO	8,17	LI	8,37	HO	8,97	200	A00	25,51	2,75	1,65	27,16
2	Hoàng Thị Thảo Chi	24/05/2008	Nữ	1	01	TO	8,63	VA	8,67	KTPL	9,2	200	X01	26,5	2,75	1,28	27,78
3	Phạm Khánh Chi	14/01/2008	Nữ	1	0	TO	8,9	SU	9,1	N1	8,4	200	D09	26,4	0,75	0,36	26,76
4	Nguyễn Thúy Hường	28/03/2008	Nữ	2	0	TO	9,4	VA	8,67	KTPL	9,13	200	X01	27,2	0,25	0,09	27,29
5	Nguyễn Hoàng Đông Kim	14/05/2008	Nữ	1	01	TO	8,77	LI	8,47	HO	8,8	200	A00	26,04	2,75	1,45	27,49
6	Lê Huỳnh Ngọc Linh	01/07/2008	Nữ	1	0	TO	9	SU	9,23	N1	9,4	200	D09	27,63	0,75	0,24	27,87
7	Hoàng Thị Quỳnh Như	15/08/2008	Nữ	1	01	TO	8,13	VA	8,43	SU	8,93	200	C03	25,49	2,75	1,65	27,14
8	Nguyễn Như Quỳnh	01/07/2008	Nữ	1	0	TO	9,07	VA	7,97	SU	9,3	0	C03	26,34	0,75	0,37	26,71
9	Vì Thị Tuyết	26/11/2008	Nữ	1	01	TO	8,07	VA	8,23	DI	9,03	200	C04	25,33	2,75	1,71	27,04
10	Lã Ngọc Thanh	16/04/2007	Nữ	2	0	TO	8,93	VA	8,97	KTPL	9	200	X01	26,9	0,25	0,1	27
III. Ngành Sư phạm Toán																	
1	Chúc Minh Hoàng	04/04/2008	Nam	2	05a	TO	9,13	LI	9,1	SI	9,3	200	A02	27,53	1,25	0,41	27,94
IV. Ngành Sư phạm Ngữ văn																	
1	Trần Quỳnh Anh	29/12/2008	Nữ	3	0	VA	9,17	SU	9,83	KTPL	9,63	200	X70	28,63	0	0	28,63
2	Lã Thanh Chúc	07/12/2007	Nữ	1	01	VA	8,5	SU	8	DI	10	500	C00	26,5	2,75	1,28	27,78
V. Ngành Quản lý văn hoá																	

1	Nông Hà Bảo Châu	14/11/2008	Nữ	1	01	TO	3,85	VA	7,25	SU	5	100	C03	16,1	2,75	2,75	18,85
2	Đặng Hồng Chuyên	23/07/2008	Nữ	2	0	VA	8,25	SU	9,75	N1	7,25	100	D14	25,25	0,25	0,16	25,41
3	Hà Thị Duyến	27/02/1992	Nữ	0	05a	VA	6,17	SU	6,23	GD	7,1	200	C19	19,5	1	1	20,5
4	Hà Thúy Huệ	01/03/2008	Nữ	1	01	TO	5,75	VA	7,25	SU	7,25	100	C03	20,25	2,75	2,75	23
5	Sài Thị Thanh Huyền	17/08/2007	Nữ	1	01	TO	6,6	VA	6,27	SU	7,03	200	C03	19,9	2,75	2,75	22,65
6	Hoàng Gia Hưng	17/11/2007	Nam	1	01	VA	6,7	SU	8,2	KTPL	7,7	200	X70	22,6	2,75	2,71	25,31
7	Hoàng Trung Kiên	19/09/2008	Nam	1	01	TO	4,75	VA	5,5	SU	5,25	100	C03	15,5	2,75	2,75	18,25
8	Nguyễn Thị Hồng Khuyên	17/03/2008	Nữ	1	0	VA	7,5	SU	7,5	KTPL	6,5	100	X70	21,5	0,75	0,75	22,25
9	Nguyễn Hoa Lê	04/08/2008	Nữ	1	01	VA	5	SU	6,6	KTPL	4,85	100	X70	16,45	2,75	2,75	19,2
10	Hoàng Ngọc Linh	10/06/2008	Nữ	2	0	TO	7	VA	7,75	SU	7	100	C03	21,75	0,25	0,25	22
11	Hoàng Thùy Linh	20/08/2008	Nữ	2	05a	TO	5	VA	6,75	SU	4,5	100	C03	16,25	1,25	1,25	17,5
12	Hoàng Thị Trang	29/12/2008	Nữ	1	01	TO	4,85	VA	7,5	SU	4,6	100	C03	16,95	2,75	2,75	19,7
13	Lý Thị Tường Vi	08/06/2007	Nữ	1	01	VA	7,75	DI	8	KTPL	9	500	X74	24,75	2,75	1,93	26,68
14	Ma Đình Hải Vũ	10/02/2008	Nam	1	01	VA	7	SU	8,5	KTPL	5,95	100	X70	21,45	2,75	2,75	24,2
VI. Ngành Kinh tế																	
1	Hoàng Mai Anh	07/12/2007	Nữ	2NT	0	TO	6,5	VA	7,23	KTPL	8,43	200	X01	22,16	0,5	0,5	22,66
2	Nguyễn Đức Anh	18/09/2007	Nam	2	0	TO	6	VA	5,83	SU	6,6	200	C03	18,43	0,25	0,25	18,68
3	Vũ Đức Công	17/03/2007	Nam	1	0	TO	6,1	TI	7,3	N1	5,7	200	X26	19,1	0,75	0,75	19,85
4	Lý Thị Linh	15/06/2006	Nữ	0	05a	TO	5,8	VA	8,5	SU	9	200	C03	23,3	1	0,89	24,19
5	Triệu Thị Diệu Linh	03/02/2008	Nữ	1	01	TO	6,25	VA	6,25	SU	7,5	100	C03	20	2,75	2,75	22,75
6	Hoàng Việt Nam	09/04/2006	Nam	1	01	TO	5,3	VA	5,77	TI	7,13	200	X02	18,2	2,75	2,75	20,95
7	Lê Thị Cẩm Tú	11/12/2008	Nữ	2	05a	TO	4,75	VA	7,25	SU	6,75	100	C03	18,75	1,25	1,25	20
8	Lý Sinh Triệu	11/09/2008	Nam	1	01	TO	4,25	VA	6,5	SU	8,75	100	C03	19,5	2,75	2,75	22,25
VII. Ngành Kinh tế đầu tư																	
1	Lưu Tùng Anh	20/11/2008	Nam	2	0	TO	6,25	VA	5,25	SU	5,6	100	C03	17,1	0,25	0,25	17,35
2	Đinh Xuân Bắc	13/03/2008	Nam	2NT	0	TO	3,85	VA	6	SU	7,5	100	C03	17,35	0,5	0,5	17,85
VIII. Ngành Kế toán																	

1	Nguyễn Trâm Anh	14/10/2008	Nữ	2	0	TO	3,35	VA	6	SU	5,75	100	C03	15,1	0,25	0,25	15,35
2	Vũ Thị Phương Anh	21/04/2008	Nữ	1	0	TO	3	VA	7,25	SU	4,75	100	C03	15	0,75	0,75	15,75
3	Vương Gia Bảo	25/07/2008	Nam	2NT	05a	TO	6,25	VA	6,5	SU	6	100	C03	18,75	1,5	1,5	20,25
4	Phạm Thị Thanh Chúc	16/03/2008	Nữ	1	0	TO	7,75	VA	7,75	N1	3,25	100	D01	18,75	0,75	0,75	19,5
5	Ngô Thị Hương Dịu	17/03/2008	Nữ	1	0	TO	5,5	VA	7,5	SU	8,5	100	C03	21,5	0,75	0,75	22,25
6	Triệu Bùi Dịu	14/03/2008	Nữ	1	01	TO	6	VA	6,5	SU	8,25	100	C03	20,75	2,75	2,75	23,5
7	La Đăng Dũng	31/08/2008	Nam	1	01	TO	5,25	VA	7,5	SU	8,5	100	C03	21,25	2,75	2,75	24
8	Bùi Hoàng Ngọc Hà	14/05/2008	Nữ	1	0	TO	7,75	VA	6,5	HO	8,75	100	C02	23	0,75	0,7	23,7
9	Đỗ Thu Hà	30/01/2008	Nữ	1	01	TO	7	VA	7	SU	7,75	100	C03	21,75	2,75	2,75	24,5
10	Tạ Tiến Hợp	30/10/2008	Nam	2NT	0	TO	6	VA	4,5	SU	7,25	100	C03	17,75	0,5	0,5	18,25
11	Lương Văn Huy	24/06/2007	Nam	2NT	05a	TO	5,3	LI	6,5	HO	5,9	200	A00	17,7	1,5	1,5	19,2
12	Dương Khánh Huyền	15/06/2008	Nữ	1	0	TO	7,75	VA	7	SU	7,75	100	C03	22,5	0,75	0,75	23,25
13	Nguyễn Khánh Huyền	05/11/2008	Nữ	2	0	TO	9	VA	7,75	LI	5,6	100	C01	22,35	0,25	0,25	22,6
14	Nguyễn Khánh Huyền	18/12/2008	Nữ	1	0	TO	6,25	VA	6,25	SU	9	100	C03	21,5	0,75	0,75	22,25
15	Phạm Thanh Huyền	07/12/2008	Nữ	1	0	TO	4,75	VA	6,5	KTPL	7	100	X01	18,25	0,75	0,75	19
16	Vũ Bảo Khuyên	18/04/2008	Nữ	2	05a	TO	6,75	VA	7	KTPL	6,5	100	X01	20,25	1,25	1,25	21,5
17	Nguyễn Hà Linh	02/11/2008	Nữ	1	0	TO	6,37	VA	7,83	KTPL	8	200	X01	22,2	0,75	0,75	22,95
18	Nguyễn Hồng Luyến	18/08/2008	Nữ	2	0	TO	5,75	VA	6,5	SU	7,25	100	C03	19,5	0,25	0,25	19,75
19	Đinh Quang Minh	23/08/2008	Nam	2NT	0	TO	7,25	VA	7,5	LI	6	100	C01	20,75	0,5	0,5	21,25
20	Trần Hà My	05/10/2007	Nữ	1	01	TO	6,3	KTPL	8,2	N1	6,9	200	X25	21,4	2,75	2,75	24,15
21	Triệu Thị Hà My	03/10/2008	Nữ	1	01	TO	5,35	VA	8	HO	5,75	100	C02	19,1	2,75	2,75	21,85
22	Nguyễn Thu Ngân	17/11/2008	Nữ	1	0	TO	6	VA	7,25	SU	7,75	100	C03	21	0,75	0,75	21,75
23	Nguyễn Bích Ngọc	25/11/2008	Nữ	1	0	TO	5,5	VA	7,25	SU	7,5	100	C03	20,25	0,75	0,75	21
24	Bùi Hà Phương	11/07/2007	Nữ	3	0	TO	8,4	KTPL	9,23	N1	9,03	200	X25	26,66	0	0	26,66
25	Nguyễn Thu Phương	23/10/2008	Nữ	1	0	TO	3,75	VA	7,25	SU	7,75	100	C03	18,75	0,75	0,75	19,5
26	Triệu Mai Phương	31/08/2006	Nữ	0	05a	TO	6,33	LI	7,37	N1	7,1	200	A01	20,8	1	1	21,8
27	Tòng Thu Phương	21/05/2008	Nữ	1	01	TO	5,25	VA	7,75	LI	4,75	100	C01	17,75	2,75	2,75	20,5

28	Trịnh Ngọc Quyên	21/06/2008	Nữ	2	0	TO	7,75	VA	7,75	SU	6,5	100	C03	22	0,25	0,25	22,25
29	Trần Lâm Tùng	02/04/2008	Nam	1	01	TO	6,25	VA	6,75	LI	4,6	100	C01	17,6	2,75	2,75	20,35
30	Nguyễn Thị Thanh	05/08/2008	Nữ	2	0	TO	6,75	VA	7,75	SU	7,75	100	C03	22,25	0,25	0,25	22,5
31	Nguyễn Phương Thảo	04/08/2008	Nữ	1	0	TO	7,25	VA	7,25	LI	7	100	C01	21,5	0,75	0,75	22,25
32	Nguyễn Thu Thảo	12/12/2008	Nữ	2	0	TO	4,1	VA	7	SU	6,45	100	C03	17,55	0,25	0,25	17,8
33	Nguyễn Đức Thiện	04/06/2008	Nam	1	01	TO	5,75	VA	8,25	SU	7,1	100	C03	21,1	2,75	2,75	23,85
34	Đặng Phương Thuý	25/11/2008	Nữ	2	05a	TO	5	VA	8	SU	7,75	100	C03	20,75	1,25	1,25	22
35	Đặng Thị Minh Thư	11/11/2008	Nữ	1	01	TO	6,5	VA	7,5	SU	8	100	C03	22	2,75	2,75	24,75
36	Vũ Anh Thư	21/02/2008	Nữ	1	01	TO	4,35	VA	5,25	SU	6,85	100	C03	16,45	2,75	2,75	19,2
37	Nguyễn Ngọc Trang	10/11/2008	Nữ	2	0	TO	8,75	VA	7,25	KTPL	7,75	100	X01	23,75	0,25	0,21	23,96
38	Nguyễn Hà Vy	24/10/2008	Nữ	1	01	TO	4,6	VA	7,5	SU	8,75	100	C03	20,85	2,75	2,75	23,6
39	Đỗ Thị Hải Yến	05/02/2008	Nữ	1	0	TO	6	VA	5,25	SU	5,85	100	C03	17,1	0,75	0,75	17,85
40	Vương Tiểu Yến	29/02/2008	Nữ	1	0	TO	6	VA	8	SU	8,5	100	C03	22,5	0,75	0,75	23,25
IX. Ngành Công nghệ sinh học																	
1	Trần Thị Kim Ngân	24/06/2008	Nữ	1	01	TO	5,13	SI	6,47	SU	7,47	200	B01	19,07	2,75	2,75	21,82
2	Hà Song Thư	12/12/2008	Nữ	1	01	TO	5,75	VA	6,5	SI	5,75	100	B03	18	2,75	2,75	20,75
3	Dù Đức Việt	30/3/2008	Nam	1	01	VA	6,97	HO	6,03	SI	6,8	200	C08	19,8	2,75	2,75	22,55
X Ngành Khoa học dữ liệu																	
1	Lý Triệu Quế Hân	03/10/2006	Nữ	0	05a	TO	5,9	VA	7	N1	6,5	200	D01	19,4	1	1	20,4
2	Nguyễn Văn Lâm	23/03/2007	Nam	1	01	TO	5,87	VA	6,33	TI	7,4	200	X02	19,6	2,75	2,75	22,35
3	Nông Văn Nam	07/11/2008	Nam	1	01	TO	5,1	KTPL	7,07	N1	5,93	200	X25	18,1	2,75	2,75	20,85
XI. Ngành Công nghệ thông tin																	
1	Trần Quang Anh	12/02/2008	Nam	1	0	TO	8	VA	6,75	N1	4,25	100	D01	19	0,75	0,75	19,75
2	Lục Quốc Gia Bảo	26/09/2007	Nam	1	01	TO	7,2	KTPL	8,2	N1	6,53	200	X25	21,93	2,75	2,75	24,68
3	Hoàng Thành Đạt	02/11/2008	Nam	1	0	TO	5,73	KTPL	7,43	N1	5,77	200	X25	18,93	0,75	0,75	19,68
4	Hoàng Quang Huy	26/08/2008	Nam	1	01	TO	6,1	VA	5,93	TI	6,87	200	X02	18,9	2,75	2,75	21,65
5	Đỗ Khải Hưng	25/10/2007	Nam	1	0	TO	5,77	VA	5,63	TI	7,43	200	X02	18,83	0,75	0,75	19,58

6	Nguyễn Thu Hương	17/11/2008	Nữ	2	05a	TO	8,6	VA	8,1	TI	8,97	200	X02	25,67	1,25	0,72	26,39
7	Phạm Hoàng Kiên	14/05/2008	Nam	2	0	TO	5,85	VA	8,75	N1	4,5	100	D01	19,1	0,25	0,25	19,35
8	Nông Đức Khôi	20/12/2007	Nam	1	01	TO	6,03	KTPL	8,23	N1	6,77	200	X25	21,03	2,75	2,75	23,78
9	Lê Mạnh Luân	04/12/2008	Nam	2NT	0	TO	8,25	LI	7	N1	4,75	100	A01	20	0,5	0,5	20,5
10	Hứa Cẩm Ly	17/6/2007	Nữ	1	01	TO	6,23	KTPL	6,73	N1	5,83	200	X25	18,79	2,75	2,75	21,54
11	Nguyễn Ngọc Mai	06/07/2006	Nữ	0	0	TO	6,7	VA	6,97	TI	7	200	X02	20,67	0	0	20,67
12	Sải Yến Ngọc	28/04/2008	Nữ	1	01	TO	6,43	VA	6,2	TI	7,33	200	X02	19,96	2,75	2,75	22,71
13	Nguyễn Duy Phú	13/02/2008	Nam	2	0	TO	7	KTPL	7,27	N1	7,47	200	X25	21,74	0,25	0,25	21,99
14	Nông Văn Quân	21/07/2008	Nam	1	01	TO	6,25	LI	4,75	HO	6,25	100	A00	17,25	2,75	2,75	20
15	Nguyễn Văn Quý	18/09/2008	Nam	1	01	TO	6,47	HO	6	SI	7,1	200	B00	19,57	2,75	2,75	22,32
16	Nùng Ngọc Sơn	14/10/2008	Nam	1	01	TO	6,23	VA	6,67	N1	5,9	200	D01	18,8	2,75	2,75	21,55
17	Nguyễn Mạnh Toàn	27/03/2006	Nam	0	05a	TO	7,6	VA	7,63	TI	8,17	200	X02	23,4	1	0,88	24,28
18	Nông Tuấn Tú	06/12/2007	Nam	1	01	TO	6,3	VA	7,2	TI	7,8	200	X02	21,3	2,75	2,75	24,05
19	Đường Chí Thành	19/09/2007	Nam	1	01	TO	4,93	VA	5,9	TI	7,57	200	X02	18,4	2,75	2,75	21,15
20	Lê Nguyễn Gia Thiên	18/08/2008	Nam	2	0	TO	6,37	KTPL	6,73	N1	4,93	200	X25	18,03	0,25	0,25	18,28
21	Nguyễn Thị Thu	20/11/2008	Nữ	1	01	TO	6,07	VA	7,1	TI	7,27	200	X02	20,44	2,75	2,75	23,19
22	Ma Thị Hương Trà	11/05/2007	Nữ	1	01	TO	6,9	VA	6,97	TI	7,3	200	X02	21,17	2,75	2,75	23,92
23	Phạm Anh Việt	05/12/2008	Nam	1	01	TO	6,13	KTPL	7,57	N1	6,33	200	X25	20,03	2,75	2,75	22,78
24	Triệu Gia Việt	22/02/2008	Nam	3	05a	TO	7,67	VA	7,23	TI	8,73	200	X02	23,63	1	0,85	24,48
25	Đặng Quang Vinh	08/02/2008	Nam	1	01	TO	6,4	HO	6,83	SI	7,4	200	B00	20,63	2,75	2,75	23,38
26	Nguyễn Hải Yến	07/04/2008	Nữ	2	05a	TO	8,03	KTPL	8,5	N1	8,23	200	X25	24,76	1,25	0,87	25,63
XII. Ngành Kinh tế nông nghiệp																	
1	Đỗ Đức Đạt	10/09/2008	Nữ	1	01	TO	4,25	VA	6,25	KTPL	6,75	100	X01	17,25	2,75	2,75	20
2	Đặng Ngọc Hưng	29/05/2008	Nam	1	0	TO	7,5	VA	6,75	LI	5,25	100	C01	19,5	0,75	0,75	20,25
XIII. Ngành Lâm sinh																	
1	Bảng Thị Kiều Oanh	12/10/2008	Nữ	1	01	TO	6,27	SI	6,77	N1	7	200	B08	20,04	2,75	2,75	22,79
XIV. Ngành Dược học																	

1	Trần Hà Giang	10/08/2007	Nam	1	0	TO	7,25	VA	7,25	HO	5,6	100	C02	20,1	0,75	0,75	20,85
2	Lương Thị Thuý Hằng	29/07/2007	Nữ	1	0	VA	7,13	HO	7,87	N1	7,23	200	D12	22,23	0,75	0,75	22,98
3	Mai Trọng Hiệu	08/11/2008	Nam	1	01	VA	8,7	HO	8,4	SI	8,1	200	C08	25,2	2,75	1,76	26,96
4	Đinh Thị Huế	26/08/2007	Nữ	1	0	VA	7,57	HO	7,8	N1	7,13	200	D12	22,5	0,75	0,75	23,25
5	Vũ Thị Bích Liên	29/07/2008	Nữ	2	0	TO	8,25	VA	7,5	HO	7,75	100	C02	23,5	0,25	0,22	23,72
6	Nguyễn Nhật Long	28/08/2008	Nam	1	0	TO	7,53	HO	8,1	SU	8,33	200	A05	23,96	0,75	0,6	24,56
7	Triệu Thị Hà My	03/10/2008	Nữ	1	01	TO	5,35	VA	8	HO	5,75	100	C02	19,1	2,75	2,75	21,85
8	Trần Lâm Tùng	02/04/2008	Nam	1	01	TO	6,25	VA	6,75	HO	4,6	100	C02	17,6	2,75	2,75	20,35
XV. Ngành Công tác xã hội																	
1	Nguyễn Hà Mai Anh	05/01/2008	Nữ	2	0	VA	7,47	DI	8,23	KTPL	8,6	200	X74	24,3	0,25	0,19	24,49
2	Lục Thị Quyên	25/10/2007	Nữ	1	01	TO	5,5	VA	7,5	SU	9,25	100	C03	22,25	2,75	2,75	25
3	Phạm Thị Thúy	12/02/2007	Nữ	2NT	0	VA	8,5	DI	8,03	KTPL	8,3	200	X74	24,83	0,5	0,34	25,17
XV. Ngành Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành																	
1	Nguyễn Thị Tuyết Chi	21/01/2007	Nữ	1	01	VA	7,97	SU	8,17	N1	7,83	200	D14	23,97	2,75	2,21	26,18
2	Bùi Thị Thu Hiền	11/01/2008	Nữ	1	01	VA	6,75	SU	8,5	KTPL	5,85	100	X70	21,1	2,75	2,75	23,85
3	Ma Khánh Ly	22/06/2008	Nữ	1	01	TO	3,5	VA	7	KTPL	6,25	100	X01	16,75	2,75	2,75	19,5
4	Lê Hồng Ngọc	20/11/2008	Nữ	1	0	TO	7	VA	6	DI	6,25	100	C04	19,25	0,75	0,75	20
5	Vũ Thị Như Ngọc	22/02/2008	Nữ	1	0	VA	6,27	DI	6,83	KTPL	7,43	200	X74	20,53	0,75	0,75	21,28
6	Nguyễn Trương Quỳnh Như	19/02/2008	Nữ	2NT	05a	TO	6	VA	5,5	SU	8,75	100	C03	20,25	1,5	1,5	21,75
7	Trần Hồng Phong	11/02/2007	Nam	2	0	VA	5,17	DI	6,37	KTPL	6,57	200	X74	18,11	0,25	0,25	18,36
8	Ma Doãn Hồng Sơn	24/04/2008	Nam	1	01	VA	7	SU	7,25	DI	7	100	C00	21,25	2,75	2,75	24
9	Nguyễn Mạnh Trường	26/02/2008	Nam	1	0	VA	6,25	SU	9,75	DI	8	100	C00	24	0,75	0,6	24,6
10	Triệu Ngọc Vân	27/3/2008	Nữ	1	01	TO	5	VA	5,5	SU	5,25	100	C03	15,75	2,75	2,75	18,5
XVI. Ngành Huấn luyện thể thao																	
1	Phạm Thế An	05/11/2008	Nam	1	0	TO	5,25	VA	7,5	NK	7,5	100	T01	20,25	0,75	0,75	21
2	Châu Văn Cấp	27/01/1998	Nam	2	05a	VA	6,25	SU	7	NK	5	100	T10	18,25	1,25	1,25	19,5
3	Hầu Mí Chữ	16/09/2008	Nam	1	01	VA	5	SU	6,75	NK	8	100	T10	19,75	2,75	2,75	22,5

4	Ma Nhân Duy	27/08/2008	Nam	1	01	VA	4,75	KTPL	4,95	NK	9,5	100	T05	19,2	2,75	2,75	21,95
5	Vũ Quang Duy	07/12/2007	Nam	1	01	VA	5,57	KTPL	6,67	NK	6,5	200	T05	18,74	2,75	2,75	21,49
6	Chăng Mạnh Đạt	15/12/2008	Nam	1	01	VA	5,25	SU	5,25	NK	7	100	T10	17,5	2,75	2,75	20,25
7	Ma Công Đạt	24/05/2008	Nam	1	01	TO	6	VA	6	NK	6,5	100	T01	18,5	2,75	2,75	21,25
8	Phạm Thành Đạt	05/02/2008	Nam	1	01	VA	4,5	SU	6,25	NK	7	100	T10	17,75	2,75	2,75	20,5
9	Vũ Gia Hân	27/07/2008	Nữ	1	0	VA	6	SU	6,5	NK	5,5	100	T10	18	0,75	0,75	18,75
10	Mai Trung Hiếu	06/09/2008	Nam	2NT	05a	VA	6,25	KTPL	3,2	NK	7,5	100	T05	16,95	1,5	1,5	18,45
11	Nguyễn Trung Hiếu	17/08/2008	Nam	2	0	TO	7,5	SU	10	NK	5,5	100	T09	23	0,25	0,23	23,23
12	Nông Mạnh Hồi	12/08/2008	Nam	1	01	TO	6,5	VA	7	NK	7,5	100	T01	21	2,75	2,75	23,75
13	Đình Quang Hưng	01/01/2008	Nam	1	01	VA	5,25	KTPL	4,75	NK	8,5	100	T05	18,5	2,75	2,75	21,25
14	Lương Hải Kiên	19/03/2008	Nam	1	01	TO	4,85	VA	7,25	NK	9,5	100	T01	21,6	2,75	2,75	24,35
15	Lý Đức Khánh	28/08/2008	Nam	1	01	TO	6,25	SU	7,6	NK	9	100	T09	22,85	2,75	2,62	25,47
16	Hoàng Đức Nam	22/05/2008	Nam	1	01	VA	5,5	SU	6,75	NK	9	100	T10	21,25	2,75	2,75	24
17	Ly Mí Nô	27/11/2008	Nam	2	05a	VA	6,5	SU	5,35	NK	8	100	T10	19,85	1,25	1,25	21,1
18	Vương Bích Ngọc	30/04/2008	Nữ	1	01	VA	8,25	SU	6,35	NK	9	100	T10	23,6	2,75	2,35	25,95
19	Nguyễn Lý Nguyên	04/02/2008	Nam	1	01	VA	5	SU	8,25	NK	7,5	100	T10	20,75	2,75	2,75	23,5
20	Hoàng Lê Minh Quân	30/08/2008	Nam	1	01	VA	5,5	SU	8,25	NK	8,5	100	T10	22,25	2,75	2,75	25
21	Vũ Đình Quân	22/12/2008	Nam	1	0	VA	8	SU	6,25	NK	6	100	T10	20,25	0,75	0,75	21
22	Hoàng Ngọc Tiềm	22/10/2008	Nam	1	0	VA	7,25	SU	8,25	NK	8,5	100	T10	24	0,75	0,6	24,6
23	Chu Anh Tiến	12/04/2008	Nam	2NT	0	VA	6,5	SU	6	NK	6,5	100	T10	19	0,5	0,5	19,5
24	Dương Minh Tiến	01/08/2007	Nam	1	01	VA	5,53	KTPL	6,53	NK	6,5	200	T05	18,56	2,75	2,75	21,31
25	Đoàn Anh Tiến	25/11/2007	Nam	2NT	0	VA	7,75	SU	8,5	NK	8,5	100	T10	24,75	0,5	0,35	25,1
26	Ma Công Toàn	15/04/2007	Nam	1	01	TO	6,93	KTPL	8,03	NK	7	200	T08	21,96	2,75	2,75	24,71
27	Hoàng Văn Tú	25/02/2007	Nam	1	01	VA	5,17	KTPL	5,4	NK	9,5	200	T05	20,07	2,75	2,75	22,82
28	Ma Hoàng Thắng	07/09/2008	Nam	1	01	VA	7	SU	7,25	NK	9,5	100	T10	23,75	2,75	2,29	26,04
29	Lê Anh Thư	07/07/2008	Nữ	1	0	VA	6,5	SU	8,25	NK	10	100	T10	24,75	0,75	0,53	25,28
30	Nguyễn Văn Triết	06/01/2008	Nam	1	01	VA	6,25	SU	6,1	NK	9	100	T10	21,35	2,75	2,75	24,1

31	Nguyễn Văn Trường	12/05/2008	Nam	1	0	TO	4,75	SU	5,25	NK	6	100	T09	16	0,75	0,75	16,75
32	Mai Quang Vinh	19/12/2008	Nam	1	01	VA	4,75	SU	7,25	NK	6	100	T10	18	2,75	2,75	20,75
33	Hà Anh Vũ	27/11/2008	Nam	1	01	VA	7,5	SU	6	NK	5,5	100	T10	19	2,75	2,75	21,75

Ấn định danh sách có 169 sinh viên